

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH ẢNH

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường đang diễn ra sôi động như hiện nay, muôn thíc ưng và đúng vững được yêu cầu đề ra cho các doanh nghiệp là phải vận động hết mình, sáng tạo trong công tác quản lý, tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Do vậy, kế toán giữ vai trò quan trọng trong việc quản lý tài sản và điều hành mọi hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, mọi sản phẩm vật chất đều được cấu thành từ nguyên, vật liệu, nó là yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất. Trong quá trình sản xuất nói chung đều có mục tiêu là làm thế nào để tiết kiệm chi phí, thu lại lợi nhuận cao nhất.

Để thực hiện mục tiêu trên đòi hỏi công tác kế toán nguyên, vật liệu phải chặt chẽ, khoa học. Đây là công việc quan trọng để quản lý, dự trữ, cung cấp kịp thời nguyên vật liệu cần thiết cho sản phẩm, nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư. Điều này giúp cho các doanh nghiệp có cơ sở tồn tại và phát triển và đạt mục tiêu lợi nhuận tối đa.

Nhận thức được những điều này, sau thời gian ngắn tìm hiểu thực tập về công tác kế toán ở Công ty cổ TNHH Quỳnh Sơn em chọn đề tài: **Ứng dụng Microsoft Excel trong nghiên cứu và xây dựng chương trình kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Quỳnh Sơn, Bắc Giang**

Bố cục báo cáo gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về công ty TNHH Quỳnh Sơn và đề tài Nghiên cứu và xây dựng chương trình kế toán nguyên vật liệu dựa trên phần mềm Microsoft Excel tại Công ty TNHH Quỳnh Sơn.

Chương 2: Phân tích thiết kế chương trình kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Quỳnh Sơn.

Chương 3: Chương trình thực nghiệm

Do trình độ và thời gian có hạn nên bài cáo cáo này không tránh khỏi những hạn chế về nội dung và hình thức. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô hướng dẫn và toàn thể các cán bộ kế toán của công ty TNHH Quỳnh Sơn.

CHƯƠNG 1.

TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU

1.1. Khái niệm về nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động đã được thay đổi do lao động có ích tác động vào nó. Nguyên vật liệu là đối tượng lao động nhưng không phải bất cứ một đối tượng lao động nào cũng là nguyên vật liệu mà chỉ trong điều kiện đối tượng lao động mà do lao động làm ra thì mới hình thành nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, giá trị nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo nên giá trị của sản phẩm dịch vụ tùy thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp sản xuất thì giá trị nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu trong giá trị sản phẩm.

1.2. Đặc điểm và vai trò của nguyên liệu vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Về mặt hiện vật: Trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh và khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu được tiêu dùng toàn bộ.

Về mặt giá trị: Giá trị của nguyên vật liệu chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá trị sản phẩm mới được tạo ra.

Trong quá trình sản xuất, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số chi phí để tạo ra sản phẩm, do đó vật liệu không chỉ quyết định đến mức độ lượng của sản phẩm mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm tạo ra. Xuất phát từ tầm quan trọng trên, việc giảm chi phí nguyên vật liệu, giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất cho mỗi đơn vị sản phẩm là một trong những yếu tố quyết định sự thành công của quá trình sản xuất kinh doanh. Điều đó sẽ làm hạ thấp chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi

nhuận của doanh nghiệp đồng thời với một lượng chi phí vật liệu không đổi có thể làm ra được nhiều sản phẩm tức là hiệu quả đồng vốn được nâng cao.

Tóm lại, nguyên vật liệu là yếu tố đầu tiên trong quá trình tạo ra sản phẩm. Muốn sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao và tạo được uy tín trên thị trường thì nhất định phải tổ chức tốt khâu quản lý nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu là những yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất nếu quản lý và sử dụng tốt sẽ tạo ra cho các yếu tố đầu ra những cơ hội tốt để tiêu thụ. Chính vì vậy trong suốt quá trình luân chuyển, việc giám đốc chặt chẽ số lượng vật liệu mua vào, xuất dùng để đảm bảo cho chất lượng sản phẩm đúng yêu cầu về kỹ thuật, giá trị đã đề ra đòi hỏi cán bộ kế toán nguyên vật liệu phải thực hiện những nhiệm vụ đó là:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ, tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, nhập - xuất - tồn kho nguyên vật liệu, tình hình luân chuyển Vật liệu hàng hóa cả về giá trị và hiện vật. Tính toán đúng đắn giá vốn (hoặc giá thành) thực tế của vật liệu đã thu mua, nhập và xuất kho doanh nghiệp, kiểm tra tình hình thu mua vật liệu về các mặt: số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm bảo đảm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời chủng loại vật liệu và các thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình sản xuất và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Áp dụng đúng đắn các phương pháp và kỹ thuật kế toán hàng tồn kho, mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép phản ánh, phân loại, tổng hợp số liệu...về tình hình hiện có và sự biến động tăng giảm trong quá trình sản xuất kinh doanh, cung cấp số liệu kịp thời để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Tổ chức đánh giá, phân loại vật liệu, kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng vật liệu tính toán xác định chính xác số lượng, giá trị vật liệu cho các đối tượng sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Tham gia kiểm kê đánh giá lại hàng tồn kho theo đúng chế độ Nhà nước quy định, lập báo cáo về vật liệu phục vụ cho công tác quản lý và lãnh đạo, tiến hành phân tích đánh giá nguyên vật liệu ở từng khâu nhằm đưa ra đầy đủ các thông tin cần thiết cho quá trình quản lý.

1.1.4. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu.

1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu bao gồm nhiều loại nguyên, vật liệu khác nhau với nội dung kinh tế và tình năng lý hóa học khác nhau. Để có thể quản lý một cách chặt chẽ và tổ chức hạch toán với từng thứ, loại vật liệu phục vụ cho kế toán quản trị cần thiết phải tiến hành phân loại vật liệu. Phân loại nguyên vật liệu là việc sắp xếp vật liệu có cùng một tiêu thức nào đó vào một loại.

Phân loại theo yêu cầu quản lý nguyên vật liệu bao gồm:

- Nguyên vật liệu chính : là đối tượng lao động cấu thành nên thực thể của sản phẩm như: sắt thép...trong các doanh nghiệp chế tạo máy, cơ khí: gạch ngói xi măng...trong xây dựng cơ bản: hạt giống, phân bón...trong nông nghiệp...Nguyên vật liệu cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm hàng hóa.

- Vật liệu phụ : Là những loại vật liệu khi sử dụng chỉ có tác dụng phụ có thể làm tăng chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc đảm bảo cho các công cụ dụng cụ hoạt động bình thường như: thuốc nhuộm, thuốc tẩy, dầu nhờn...

- Nhiên liệu: Là những thứ dùng để cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất sản phẩm, cho các phương tiện máy móc thiết bị hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh như: than, củi, xăng dầu hơi đốt, khí đốt...

- Phụ tùng thay thế: Là những chi tiết phụ tùng máy móc để sửa chữa và thay thế cho máy móc thiết bị sản xuất.

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Bao gồm những vật liệu công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào các công trình xây dựng cơ bản.

- Vật liệu khác: Là những loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên thường là những vật liệu được loại ra từ quá trình sản xuất hoặc phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định.

Trên thực tế, việc sắp xếp vật liệu theo từng loại như đã trình bày ở trên là căn cứ vào công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu ở từng đơn vị cụ thể, bởi vì có thứ nguyên vật liệu ở đơn vị này là nguyên vật liệu chính nhưng ở đơn vị khác lại

là vật liệu phụ... Cách phân loại trên là cơ sở để xác định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại từng thứ nguyên vật liệu là cơ sở tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Phân loại nguyên vật liệu theo nguồn hình thành nguyên vật liệu bao gồm:

- Nguồn từ bên ngoài nhập vào: chủ yếu là do mua ngoài, liên doanh, tặng biếu...
- Nguồn tự sản xuất: Cách phân loại này có tác dụng làm căn cứ để doanh nghiệp xây dựng kế hoạch mua và dự trữ nguyên vật liệu làm cơ sở xác định giá vốn thực tế của nguyên vật liệu.

Phân loại theo mục đích và nơi sử dụng, nguyên vật liệu bao gồm:

- Nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho sản xuất kinh doanh.
- Nguyên vật liệu dùng cho công tác quản lý.
- Nguyên vật liệu dùng cho các mục đích khác.

1.1.4.2. Đánh giá nguyên vật liệu.

Đánh giá nguyên vật liệu là thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định đảm bảo yêu cầu trung thực khách quan (nguyên tắc giá gốc, thận trọng và nhất quán).

Theo chuẩn mực kế toán số 02 kế toán nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu phải phản ánh theo giá gốc (giá thực tế) có nghĩa là khi nhập kho phải tính toán và phản ánh theo giá thực tế, khi xuất kho cũng phải xác định giá thực tế xuất kho theo phương pháp quy định. Song, do đặc điểm của nguyên vật liệu có nhiều loại, nhiều thứ và thường xuyên biến động trong quá trình sản xuất kinh doanh và yêu cầu của công tác quản trị nguyên vật liệu phục vụ kịp thời cho việc cung cấp hàng ngày, tình hình biến động và số lượng có của nguyên vật liệu nên trong công tác kế toán quản trị nguyên vật liệu còn có thể đánh giá theo giá hạch toán tùy thuộc vào yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp. Song, dù đánh giá theo giá hạch toán, kế toán vẫn phải đảm bảo việc phản ánh tình hình nhập – xuất nguyên vật liệu trên các tài khoản, sổ kế toán tổng hợp theo giá thực tế.

1.1.4.2.1. Giá gốc của nguyên vật liệu nhập kho.

* Đối với nguyên vật liệu mua ngoài :

Giá gốc = giá mua ghi trên hóa đơn (bao gồm cả thuế nhập khẩu nếu có) – các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng mua trả lại + các khoản thuế không hoàn lại các chi phí liên quan tới việc mua vận chuyển vật liệu nhập kho.

Trường hợp vật liệu mua về sử dụng cho sản xuất kinh doanh sản phẩm hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có chứng từ hợp lệ thì giá mua là giá chưa có thuế.

Các trường hợp còn lại, giá mua là tổng giá thanh toán.

* *Vật liệu nhập kho do tự sản xuất gia công chế biến*: giá nhập kho là giá thành sản xuất của vật liệu gia công chế biến.

* *Vật liệu nhập kho do thuê ngoài gia công chế biến*: bao gồm trị giá gốc của vật liệu xuất kho thuê ngoài gia công chế biến + chi phí thuê ngoài gia công chế biến + các chi phí vận chuyển bốc dỡ khi đem đi và khi mang về.

* Đối với phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất được đánh giá theo giá trị hợp lý.

* *Đối với vật liệu nhập kho do nhận vốn góp nhận lại vốn góp tăng phát hiện thửa* ...bao gồm trị giá của hợp đồng giao nhận + các chi phí liên quan đến việc nhận vật liệu.

1.1.4.2.2. Giá gốc của vật liệu xuất kho.

Nguyên vật liệu nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Tùy theo đặc điểm từng doanh nghiệp về yêu cầu quản lý, trình độ của các cán bộ kế toán có thể sử dụng một trong các phương pháp sau theo nguyên tắc nhất quán trong hạch toán. Nếu có thay đổi phải giải thích rõ ràng.

Theo chuẩn mực số 02- Hàng tồn kho gồm có các phương pháp sau:

* *Phương pháp đính danh*. Theo phương pháp này, đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi vật liệu theo từng lô hàng cả về hiện vật và giá trị. Khi xuất kho vật liệu thuộc lô nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô đó để tính trị giá vốn vật liệu xuất kho.

* Phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm xuất kho hoặc thời điểm cuối kỳ.

Theo phương pháp này, kế toán phải tính đơn giá bình quân gia quyền tại thời điểm xuất kho hoặc thời điểm cuối kỳ sau đó lấy số lượng xuất kho nhân với đơn giá bình quân đã tính.

Đơn giá bình quân được tính cho từng thứ nguyên vật liệu.

Đơn giá bình quân có thể xác định cho cả kỳ gọi là đơn giá bình quân cố định.

Đơn giá bình quân có thể xác định trước mỗi lần xuất:

* Phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp này đòi hỏi các doanh nghiệp phải theo dõi được đơn giá của từng lần nhập kho.

Phương pháp này giả định vật liệu nào nhập kho trước sẽ được xuất kho trước khi xuất kho vật liệu thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó để tính giá xuất kho.

Trị giá vật liệu tồn cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

* *Phương pháp nhập sau xuất trước.*

Phương pháp này đòi hỏi các doanh nghiệp phải theo dõi được đơn giá của từng lần nhập kho.

Phương pháp này giả định vật liệu nào nhập kho sau sẽ được xuất kho trước, khi xuất kho vật liệu thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó để tính trị giá vật liệu xuất kho.

CHƯƠNG 2

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY VÀ PHÂN TÍCH THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH QUỲNH SƠN

2.1 Tổng quan về Công ty TNHH Quỳnh Sơn

2.1.1 Thông tin tổng quát

1. Tên công ty: Công ty THNN Quỳnh Sơn.
2. Giám đốc hiện tại: Ông **Lưu Văn Hưng**
3. Địa chỉ: Thôn Tân Sơn – Xã Quỳnh Sơn – Huyện Yên Dũng – Tỉnh Bắc Giang
 - Số điện thoại: 02403 768 360
 - Số tài khoản: 2511201000643 Tại NH Agribank Yên Dũng
4. Cơ sở pháp lý của Công ty:
 - Ngày thành lập lần đầu: Ngày 06 tháng 08 năm 2017
 - Giấy phép kinh doanh số: 2300309226 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp.
5. Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH có hai thành viên trở lên

2.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty TNHH Quỳnh Sơn đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất gạch tuynel và các loại vật liệu nung. Cụ thể các ngành nghề đăng ký kinh doanh như sau:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, máy móc, vật tư, phụ tùng máy công trình.
 - + Sản xuất các loại gạch, ngói được nung từ đất sét.
 - + Sản xuất các loại gạch bờ lốp và các loại gạch không nung.
 - + Kinh doanh khai thác vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.
 - + Thi công san tạo mặt bằng.
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Công ty TNHH Quỳnh Sơn hoạt động theo luật doanh nghiệp, là một pháp nhân kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam: có con dấu riêng, độc lập

về tài sản, có tài khoản Ngân hàng, có cơ cấu tổ chức bộ máy chặt chẽ. Theo điều lệ của công ty, tự chịu trách nhiệm đối với các điều khoản và các vấn đề tài chính, sản xuất kinh doanh của mình.

Trải qua hơn 01 năm xây dựng và trưởng thành, công ty TNHH Quỳnh Sơn đã được bạu hàng ở trong và ngoài tỉnh biết đến và tin cậy. Hàng năm, công ty hoàn thành một khối lượng công việc tương đối lớn đạt chất lượng tốt đã góp phần vào sự phát triển của ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói chung và của tỉnh Bắc Giang nói riêng.

2.1.3 Nhiệm vụ của Công ty

- Tổ chức Sản xuất, kinh doanh theo quy định của Nhà nước về các loại gạch tuynel phục vụ cho xây dựng công trình, cung cấp chủ yếu cho thị trường 3 tỉnh là tỉnh Bắc Giang và tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn.
- Thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh làm góp phần tăng ngân sách nhà nước thể hiện qua việc chấp hành đúng quy định của Nhà nước đối với pháp luật về thuế. Hàng tháng Công ty đóng góp cho ngân sách nhà nước các loại thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường. Ngoài ra, theo quy định hàng năm Công ty còn đóng thuế môn bài và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
- Tạo công ăn việc làm cho khoảng 150 lao động, trong đó người lao động tại địa phương (chủ yếu là người nông dân) chiếm tới 60% và từ cải tạo chiếm 40%. Ngoài ra Công ty rất chú trọng tới vấn đề an toàn vệ sinh lao động, tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho công nhân viên, cấp thẻ an toàn lao động, các máy móc thiết bị được thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng và được các cơ quan chức năng kiểm định chặt chẽ về chất lượng và độ an toàn khi đưa vào sản xuất.
- Quan tâm nhiều tới công tác từ thiện, góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp hơn.

2.1.3.1 Sơ đồ tổ chức cơ cấu của công ty

Hiện tại, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức như sau:

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty cở phần thương mại Quỳnh Sơn

❖ **Chức năng và quyền hạn từng bộ phận**

- Giám đốc: Là người điều hành chung toàn công ty, là người quyết định các phương án sản xuất kinh doanh, các nguồn tài chính và chịu trách nhiệm về mọi mặt khả năng sản xuất kinh doanh của mình trước toàn thể công ty và trước pháp luật về quá trình hoạt động của công ty.
- Phó Giám đốc: Là người được ủy quyền khi Giám đốc đi vắng, trực tiếp theo dõi chỉ đạo công ty, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.
 - P.Kinh doanh: Tham mưu cho Giám đốc, tìm kiếm thị trường, triển khai thực hiện đảm bảo các yêu cầu giá cả hợp lý, đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, chủng loại, số lượng. Mở sổ theo dõi và hướng dẫn các đơn vị, phân xưởng, thực hiện đầy đủ các quy định của công ty, lập kế hoạch kinh doanh, soạn thảo văn bản hợp đồng cho công ty.
 - P.Kế toán – Hành chính: Tham mưu cho Giám đốc, tổng hợp kịp thời ghi chép mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Phân tích và đánh giá tình hình nhằm cung cấp thông tin cho Giám đốc và tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán, thực hiện công tác bảo toàn và phát triển được vốn mà công ty giao, hạch toán kế toán, lập kế hoạch động viên các nguồn vốn đảm bảo sản xuất đúng tiến độ, kiểm tra thanh toán với các Ngân Hàng, thực hiện báo cáo đúng quy định, tổ chức kiểm kê thường xuyên theo yêu cầu của cấp trên.
 - Khối SX: Bộ máy sản xuất chính của công ty đem đến những sản phẩm kinh doanh tốt nhất cho công ty.

2.1.3.2 Sơ đồ Bộ máy kế toán của Công ty cở phần thương mại Quỳnh Sơn

Hình 2: Sơ đồ Bộ máy kế toán của công ty cở phần thương mại Quỳnh Sơn

Chức năng của từng bộ phận kế toán:

Kế toán trưởng: phụ trách chung về KT, tổ chức công tác KT của công ty bao gồm tổ chức công tác hoạt động, hình thức sổ, hệ thống chứng từ, tài khoản áp dụng, cách luân chuyển chứng từ, cách tính toán lập bảng KT, theo dõi chung về tình hình tài chính của công ty, hướng dẫn và giám sát hoạt động chi theo đúng định mức và tiêu chuẩn của công ty Nhà nước.

Kế toán tổng hợp: tính toán và tổng hợp toàn bộ hoạt động tài chính của công ty dựa trên các chứng từ gốc mà các bộ phận KT chuyển đến theo yêu cầu của công tác tài chính KT.

KT tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ: phản ánh các nghiệp vụ liên quan đến tính và trả lương, khen thưởng cho người LĐ.

KT tiền mặt, tiền vay, TGNH: theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ liên quan đến số tiền hiện có, sự biến động tăng giảm của các loại tiền dựa trên chứng từ như phiếu thu-chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có hoặc khoản tiền vay.

KT chi phí sản xuất: ghi chép các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất và tiêu thụ.

KT thanh toán công nợ: theo dõi tình hình biến động của các khoản thu nợ, thanh toán nợ đối với các chủ thể khác.

Chế độ kế toán áp dụng

❖ Kỳ kế toán năm: được bắt đầu vào ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

❖ Đồng tiền sử dụng: tiền Việt Nam.

❖ Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

❖ Phương pháp tính giá xuất kho: tính theo phương pháp bình quân gia quyền

❖ Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

❖ Phương pháp kê khai thuế: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Nguyên tắc ghi nhận vật liệu nhập kho: vật liệu nhập kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc = Giá ghi trên hóa đơn + Chi phí vận chuyển + Thuế (nếu có).

***Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách:**

Để thuận tiện cho việc ghi chép dễ hiểu, đơn giản, thuận tiện cho việc cơ giới hóa hiện đại hóa công tác kế toán, Công ty TNHH Quỳnh Sơn đã áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung để hạch toán.

*** Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán**

Căn cứ vào luật kế toán, chuẩn mực kế toán số 21-“ Trình bày báo cáo tài chính” và theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC hệ thống báo cáo kế toán của công ty gồm 4 báo cáo cơ bản sau:Bảng cân đối kế toán, BCKQKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh BC tài chính.

Theo đó Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh được kế toán tổng hợp lập theo từng quý, tháng còn Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính được lập vào thời điểm cuối năm.

2.1.2.3 Sơ đồ dây chuyền sản xuất:

ùn

Hình 3: Sơ đồ sản xuất của công ty cát phẳng thương mại Quỳnh Sơn

Quá trình sản xuất

- Công đoạn đầu tiên của quá trình sản xuất là khai thác đất sét tại vùng đất nguyên liệu của Công ty. Tại bãi đất, máy xúc múc đất lên các phương tiện vận chuyển về kho đất tại khu vực sản xuất.
- Tại kho đất: đất sét được tưới nước và ngâm Ủ trong vòng 3 tháng trước khi đưa vào sản xuất.
 - Đất sét đạt tiêu chuẩn về thời gian ngâm Ủ, độ ẩm... cùng với than cám được đưa vào thùng cấp liệu với tỉ lệ nhất định để bắt đầu quá trình tạo hình gạch mộc.
 - Từ thùng cấp liệu, đất sét và than cám (gọi chung là nguyên liệu) được đưa vào máy cán thô và máy cán mịn để nghiền mịn nguyên liệu. Sau đó nguyên liệu được chuyển sang máy nhào để nhào trộn nguyên liệu.
 - Sau khi nguyên liệu đã được nhào trộn với nhau thì được chuyển sang máy đùn để đùn ra gạch mộc theo khối.
 - Sau khi máy đùn làm xong công việc thì khối đùn được chuyển sang máy cắt để cắt thành hình viên gạch theo khuôn mẫu.
 - Gạch được cắt xong theo băng tải và phương tiện vận chuyển để ra phơi khô tại sân phơi gạch mộc.
 - Gạch mộc được phơi khô sẽ được phương tiện vận chuyển đến khu vực xếp gòong để xếp lên gòong. Sau đó gòong gạch được kéo theo đường ray vào lò sấy, lò nung. Gạch chín sau khi ra khỏi lò nung được phân loại thành phẩm và theo phương tiện vận chuyển ra bãi gạch thành phẩm.

2.2 Phân tích và mô hình hóa quy trình quản lý vật liệu

2.2.1 Phân tích hệ thống kế toán nguyên vật liệu

Đối với hoạt động xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và công trình thuỷ lợi sản quản lý kế toán vật liệu hàng hóa là khâu rất quan trọng. Nó đảm bảo cho quá trình xây dựng được diễn ra liên tục và ngày càng phát triển. Các hoạt động chính trong công ty như sau:

Sau khi Thủ kho kiểm tra đơn đặt hàng rồi chuyển đến Giám đốc ký duyệt và yêu cầu nhân viên thu mua liên hệ với nhà cung cấp. Nhà cung cấp sẽ xuất hàng theo đơn đặt hàng và nhân viên thu mua vật liệu sẽ kiểm tra xem có đúng số lượng, chất lượng như yêu cầu đặt hàng hay không và vật liệu sẽ được vận chuyển và phân loại vào kho. Sau đó Thủ kho sẽ lập phiếu nhập kho cho kế toán. Thủ kho sẽ nhập số lượng hàng nhập vào thẻ kho. Mỗi mặt hàng sẽ có một thẻ kho riêng, nếu hàng đã có trong kho thì thủ kho sẽ ghi thêm vào thẻ kho có sẵn, nếu mặt hàng mới thì thủ kho cần lập thẻ kho mới rồi chuyển chứng từ cho bộ phận kế toán.

Vật liệu được xuất căn cứ theo số định mức của từng hạng mục công trình, theo tình hình chung về yêu cầu của các hợp đồng ký kết thì quản lý xưởng sẽ thống kê được những vật liệu nào được sử dụng nhiều. Quản lý xưởng sẽ lập phiếu xin cấp vật liệu chuyển cho thủ kho.

Thủ kho kiểm tra vật liệu trong kho nếu có vật liệu đáp ứng yêu cầu thì lập phiếu xuất kho chuyển cho Giám đốc ký duyệt. Sau khi ký duyệt sẽ chuyển cho kế toán và thủ kho và xem xét thấy phiếu đề nghị là hợp lý và vẫn thuộc định mức quy định cho từng hạng mục thì thủ kho tiến hành việc xuất kho.

Cuối kỳ kế toán tổng hợp phiếu nhập, phiếu xuất và số lượng hàng tồn kho lập báo cáo gửi lên giám đốc.

2.2.2 Mô hình hóa quy trình kế toán nguyên vật liệu

2.1.2.1 Biểu đồ phân cấp chức năng

Hình 4 : Biểu đồ phân cấp chức năng

2.2.3 Quy trình nghiệp vụ

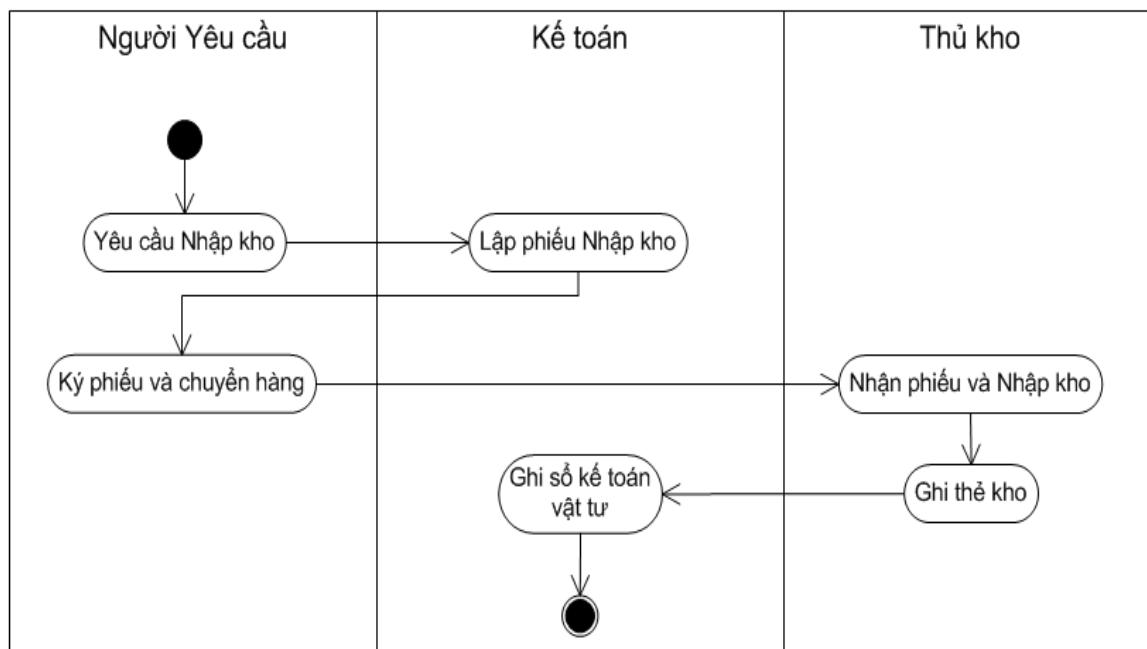
Sơ đồ chung

Hình 5 : Quy trình nghiệp vụ

Trong đó:

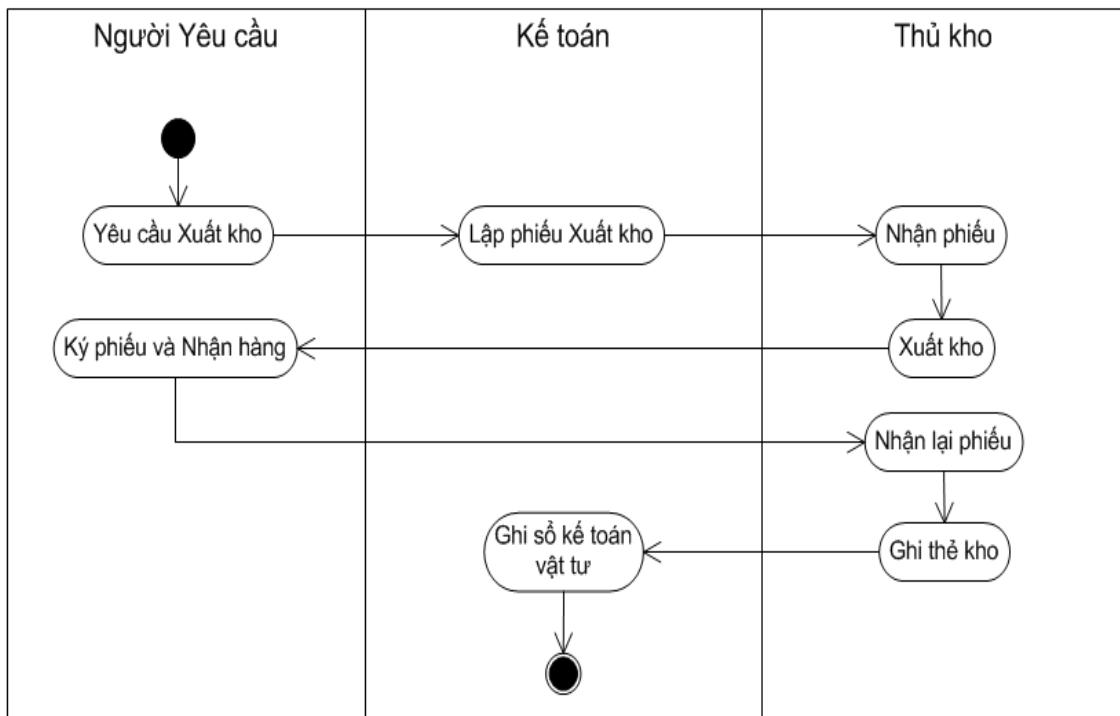
- (1): Phòng kế toán yêu cầu cập nhật chứng từ phát sinh.
- (2): Kế toán vật tư cập nhật chứng từ vào sổ theo dõi nhập xuất (Kho dữ liệu).
- (3): Phòng kế toán yêu cầu hiệu chỉnh chứng từ.
- (4): Kế toán vật tư lấy chứng từ từ kho dữ liệu về để hiệu chỉnh.
- (5): Kế toán vật tư lưu chứng từ vào kho dữ liệu sau khi đã hiệu chỉnh.
- (6): Phòng kế toán yêu cầu lập các báo cáo quỹ.
- (7): Kế toán vật tư lấy số liệu từ kho dữ liệu về để lập báo cáo quỹ.
- (8): Nộp báo cáo quỹ về phòng kế toán.

Mô hình hóa hoạt động nhập kho



Hình 6 : Hoạt động nhập kho

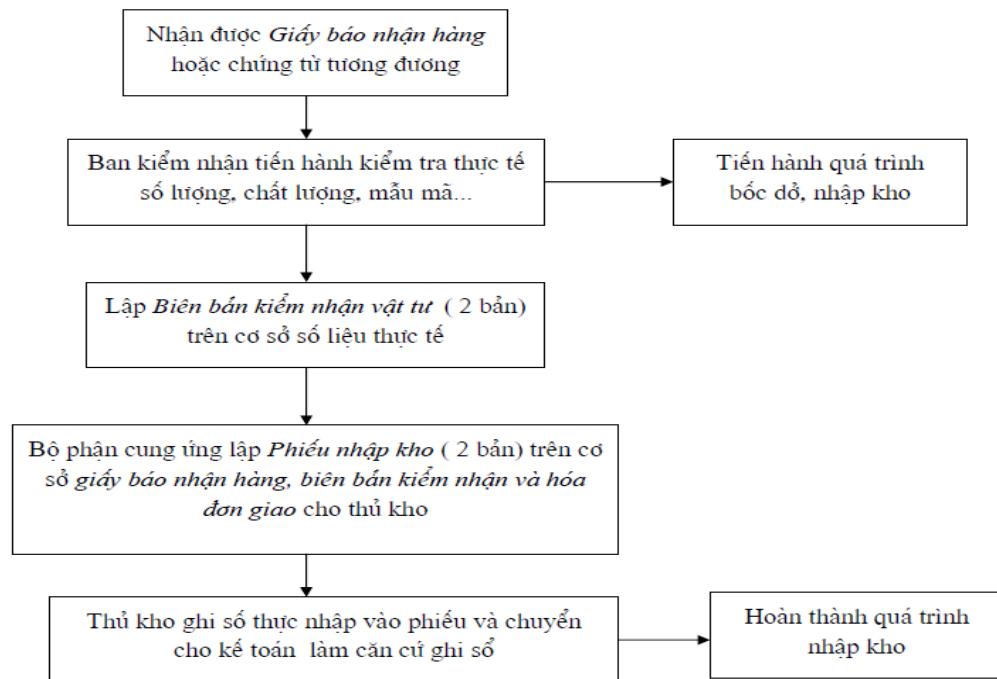
Mô hình hóa hoạt động xuất kho



Hình 7 : Hoạt động xuất

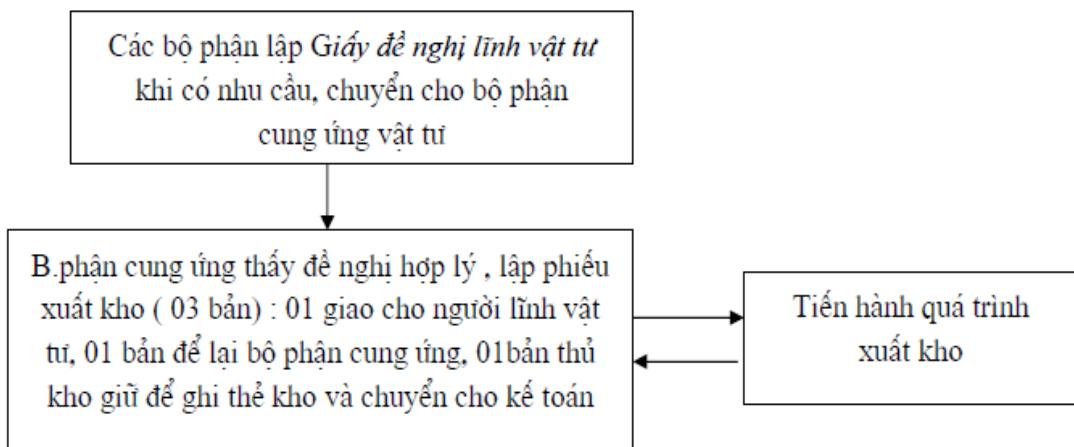
2.2.4 Các thủ tục chung từ

Thủ tục nhập kho



Hình 8: Thủ tục nhập kho

Thủ tục xuất kho Có thể được mô tả khái quát trình tự xuất kho như sau



Hình 9: Thủ tục nhập kho

2.2.5. Hạch toán các nghiệp vụ

2.3.2.1 Phương pháp kế toán nhập kho nguyên liệu vật liệu, công cụ dụng cụ

Mua NVL, CCDC nhập kho (có hóa đơn cùng vế)

- Doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ

Nợ TK 152, 153 : Giá mua chưa có thuế.

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 111, 112, 141, 311 : Đã thanh toán tiền.

Có TK 331 : Chưa thanh toán tiền.

Có TK 333 : Nếu có thuế nhập khẩu.

- Doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT

Nợ TK 152, 153 : Tổng tiền thanh toán.

Có TK 111, 112, 141, 311, 331 : Tổng tiền thanh toán

Mua NVL, CCDC được hưởng chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua, hàng mua bị trả lại

Nợ TK 111 : Tổng số tiền giảm giá hoặc trả lại bằng TM

Nợ TK 112 : Tổng số tiền giảm giá hoặc trả lại bằng TGNH

Nợ TK 331 : Tổng số tiền được giảm giá hoặc trả lại trừ vào nợ.

Có TK 152 : Trị giá NVL được giảm giá hoặc trả lại.

Có TK 153 : Trị giá CCDC được giảm giá hoặc trả lại.

Có TK 133 : Thuế GTGT (nếu có).

Nếu được hưởng chiết khấu thanh toán do thanh toán trước kỳ hạn cho người bán, phản ánh vào thu nhập hoạt động tài chính, kế toán ghi

Nợ TK 111 : Số tiền chiết khấu được hưởng bằng tiền mặt

Nợ TK 112 : Số tiền chiết khấu được hưởng bằng TGNH

Nợ TK 331 : Số tiền chiết khấu được hưởng trừ vào nợ

Có TK 515 : Số tiền chiết khấu được hưởng.

Ghi chú: Doanh nghiệp đã nhận hoá đơn nhưng nguyên, vật liệu chưa về nhập kho lưu hoá đơn vào tập hồ sơ riêng “Hàng mua đang đi đường” và định khoản

Nợ TK 151	: Trị giá nguyên, vật liệu theo chứng từ
Nợ TK 133	: Thuế GTGT (nếu có)
Có TK 111	: Tổng giá thanh toán bằng tiền mặt
Có TK 112	: Tổng giá thanh toán bằng TGNH
Có TK 331	: Tổng giá thanh toán chưa trả chờ người bán
Có TK 141	: Tổng giá thanh toán bằng tạm ứng

Tháng sau, khi hàng về nhập kho hoặc chuyển cho bộ phận sản xuất

Nợ TK 152	: Trị giá nguyên, vật liệu nhập kho
Nợ TK 153	: Trị giá công cụ, dụng cụ nhập kho
Nợ TK 627, 641, 642, 621	: Nếu sử dụng luôn
Nợ TK 632	: Giao cho khách hàng
Có TK 151	: Trị giá NVL, CCDC nhập kho

Giá trị nguyên, vật liệu, công cụ, dụng cụ gia công xong nhập lại kho

Nợ TK 152	: Trị giá thực tế vật liệu nhập lại kho
Nợ TK 153	: Trị giá thực tế công cụ, dụng cụ nhập lại kho
Có TK 154	: Chi tiết giá công nguyên vật liệu

Nhận góp vốn liên doanh của đơn vị khác bằng NVL, CCDC... nhận lại vốn góp

Nợ TK 152	: Giá trị nguyên, vật liệu nhận góp vốn
Nợ TK 153	: Giá trị công cụ, dụng cụ nhận góp vốn
Có TK 411	: Nhận góp vốn
Có TK 222, 128	: Nhận lại vốn góp

Đối với nguyên, vật liệu, công cụ, dụng cụ nhập khẩu, khoan thuế nhập khẩu phải nộp cho nhà nước được phản ánh vào giá nhập và kế toán ghi

Nợ TK 152	: Nguyên, vật liệu
Nợ TK 153	: Công cụ, dụng cụ

Có TK 3333 : Thuế nhập khẩu phải nộp

Khoản thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) phải nộp cho nhà nước cũng được tính theo giá nhập, kế toán ghi

Nợ TK 152 : Nguyên, vật liệu

Nợ TK 153 : Công cụ, dụng cụ

Có TK 3332 : Thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp

Đối với thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp nếu được khấu trừ :

Nợ TK 133 : Thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ

Có TK 33312 : Thuế GTGT hàng nhập khẩu

Nếu thuế GTGT phải nộp đối với hàng nhập khẩu không được khấu trừ

Nợ TK 152 : Nguyên, vật liệu

Nợ TK 153 : Công cụ, dụng cụ

Có TK 33312 : Thuế GTGT hàng nhập khẩu

Các chi phí thu mua, vận chuyển nguyên, vật liệu, công cụ, dụng cụ về kho của doanh nghiệp

Nợ TK 152, 153 : Các chi phí thực tế phát sinh

Nợ TK 133 : Thuế GTGT (nếu có)

Có TK 111 : Thanh toán chi phí bằng tiền mặt

Có TK 112 : Tổng trị giá thanh toán bằng TGNH

Có TK 141 : Tổng chi phí thanh toán bằng tạm ứng

Có TK 331 : Tổng chi phí chưa thanh toán người bán

Nhập kho có chứng từ đầy đủ, số lượng hàng nhập kho thừa so với số phản ánh trên hóa đơn, chứng từ, nếu chỉ giữ hộ người bán phần nguyên, vật liệu thừa

Nợ TK 002 : Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công

Khi trả lại người bán số hàng thừa, kế toán ghi :

Có TK 002 : Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công

Nếu nhập luôn số nguyên, vật liệu thừa, khi nhập kho kế toán ghi

Nợ TK 152	: Trị giá thực tế nguyên, vật liệu nhập kho
Nợ TK 133	: Thuế GTGT (nếu có)
Có TK 111	: Tổng giá thanh toán bằng tiền mặt
Có TK 112	: Tổng giá thanh toán bằng TGNH
Có TK 1411	: Tổng giá thanh toán bằng tiền tạm ứng
Có TK 331	: Tổng giá thanh toán chưa trả người bán
Có TK 3388	: Trị giá vật liệu thừa

Khi có quyết định giải quyết số nguyên, vật liệu thừa, mua luôn số thừa

Nợ TK 3388	: Trị giá nguyên, vật liệu thừa
Nợ TK 133	: Thuế GTGT liên quan đến nguyên liệu thừa
Có TK 111	: Thanh toán bù sung bằng tiền mặt
Có TK 112	: Thanh toán bù sung bằng TGNH
Có TK 331	: Thanh toán bù sung phải trả người bán

Trả lại người bán

Nợ TK 3388	: Trị giá nguyên, vật liệu thừa
Có TK 152	: Trị giá nguyên, vật liệu thừa

2.3.2.2 Kế toán xuất nguyên liệu vật liệu

Xuất kho nguyên, vật liệu sử dụng (căn cứ chứng từ xuất kho)

Nợ TK 621	: Dùng cho sản xuất
Nợ TK 627	: Dùng cho quản lý phân xưởng
Nợ TK 641	: Dùng cho bán hàng
Nợ TK 642	: Dùng cho quản lý doanh nghiệp
Nợ TK 241	: Dùng cho xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn TSCĐ
Nợ TK 154	: Xuất gia công, chế biến
Có TK 152	: Giá trị nguyên, vật liệu xuất kho

Xuất kho nguyên, vật liệu nhượng bán, cho vay (nếu có)

- Nợ TK 632 : Giá vốn hàng bán
Nợ TK 1388 : Xuất kho NLVL cho vay
Có TK 152 : Giá trị nguyên liệu vật liệu xuất kho

Xuất kho nguyên, vật liệu góp vốn liên doanh với các đơn vị khác (giá do hội đồng liên doanh đánh giá)

- Nếu giá trị được đánh giá > giá trị thực tế của nguyên, vật liệu đem góp

- Nợ TK 128, 222 : Giá do hội đồng liên doanh đánh giá
Có TK 152 : Giá thực tế của nguyên, vật liệu
Có TK 711 : Phân chênh lệch tăng

- Nếu giá trị được đánh giá < giá trị thực tế của nguyên, vật liệu đem góp

- Nợ TK 128, 222 : Giá do hội đồng liên doanh định giá
Nợ TK 811 : Phân chênh lệch giảm
Có TK 152 : Giá thực tế của nguyên, vật liệu

Đối với nguyên, vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê

- Nếu hao hụt trong định mức, ghi

- Nợ TK 632 : Giá vốn hàng bán
Có TK 152 : Giá trị nguyên, vật liệu

- Nếu thiếu hụt chưa xác định được nguyên nhân thì ghi

- Nợ TK 1381 : Tài sản thiếu chờ xử lý
Có TK 152 : Giá trị nguyên, vật liệu

Ghi chú: Căn cứ biên bản xác định giá trị vật liệu thiếu hụt, mốc míc về biên bản xử lý

- Nợ TK 1388 : Phải thu khác
Nợ TK 111 : Tiền mặt
Nợ TK 334 : Phải trả công nhân viên
Nợ TK 632 : Giá vốn hàng bán (phân còn lại)

Có TK 1381 : Tài sản thiếu chờ xử lý

2.3.2.3 Kế toán xuất kho công cụ, dụng cụ

Các phương pháp phân bổ giá trị công cụ, dụng cụ

Phương pháp 1: Phân bổ một lần

Những công cụ, dụng cụ có giá trị nhỏ, thời gian sử dụng ngắn, khi xuất dùng toàn bộ giá trị công cụ, dụng cụ được hạch toán vào đối tượng sử dụng

Nợ TK 627 : Chi phí chế biến phát sinh tại bộ phận quản lý

Nợ TK 641 : Chi phí chế biến phát sinh tại bộ phận bán hàng

Nợ TK 642 : Chi phí chế biến phát sinh tại bộ phận quản lý DN

Nợ TK 241 : Chi phí sản xuất ở bộ phận đầu tư XDCB

Có TK 153 : Giá trị công cụ, dụng cụ xuất kho

Phương pháp 2 : Phân bổ nhiều lần

Những công cụ, dụng cụ có giá trị lớn, thời gian sử dụng dài hoặc xuất dùng mang tính bị đồng loạt. Theo phương pháp này, khi xuất dùng công cụ, dụng cụ kế toán chuyển toàn bộ giá trị công cụ, dụng cụ vào tài khoản 142, sau đó phân bổ dần vào các đối tượng sử dụng. Căn cứ vào giá trị, mức độ và thời gian sử dụng của công cụ, dụng cụ trong quá trình sản xuất kinh doanh để xác định số lần phân bổ cho hợp lý. Khi công cụ, dụng cụ báo hỏng, phân bổ phần giá trị còn lại sau khi đã trừ phế liệu bồi thường.

2.3.2.4 Phương pháp hạch toán

Khi xuất công cụ, dụng cụ loại phân bổ nhiều lần sử dụng cho sản xuất kinh doanh

Nợ TK 142 (242) : Chi phí trả trước

Có TK 153 : Giá trị công cụ, dụng cụ

- Số phân bổ từng lần vào các đối tượng sử dụng:

Nợ TK 627	: Chi phí quản lý phân xưởng
Nợ TK 641	: Chi phí bán hàng
Nợ TK 642	: Chi phí quản lý doanh nghiệp
Có TK 142 (242)	: Chi phí trả trước

- Khi công cụ, dụng cụ báo hỏng, mất mát hoặc hết thời gian sử dụng theo qui định, kế toán tiến hành phân bổ giá trị còn lại vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Nợ TK 1528	: Giá trị phế liệu thu hồi
Nợ TK 138	: Số bôil thường vật chất (nếu có)
Nợ TK 627, 641, 642 :	Số lần phân bổ cuối
Có TK 142 (242)	: Giá trị còn lại

2.3.2.5 *Hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp*

Hình 10: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu

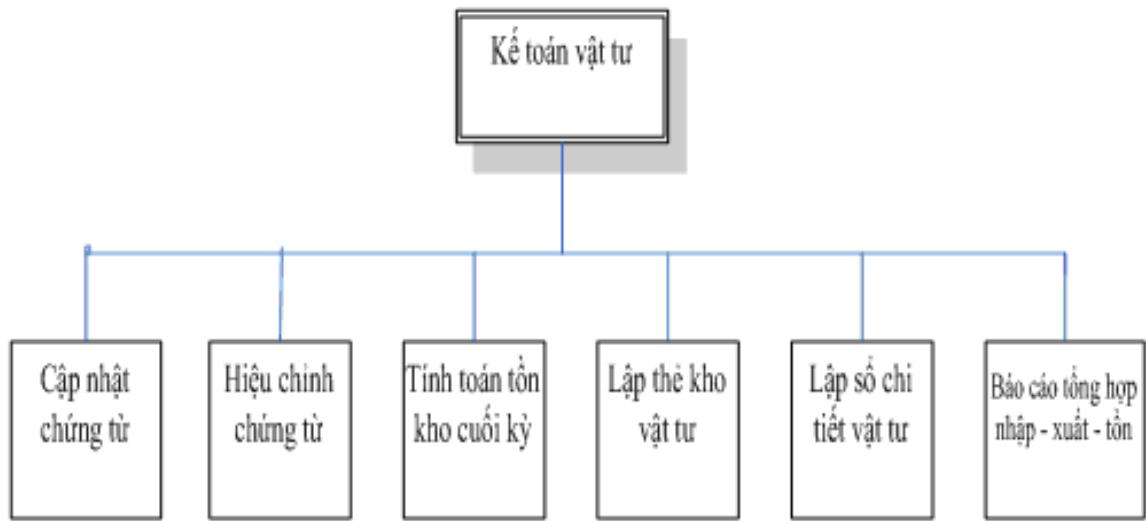
2.5 Xây dựng sơ đồ phân cấp chức năng

Sơ đồ phân cấp chức năng (*BDF*) là việc phân rã có thứ bậc các chức năng của hệ thống. Mỗi chức năng có thể gồm nhiều chức năng con và thể hiện trong một khung của sơ đồ.

Sử dụng sơ đồ phân cấp chức năng để:

- Xác định phạm vi hệ thống phân tích.
- Tiếp cận Logic đến hệ thống, làm sáng tỏ các chức năng để sử dụng thiết lập các mô hình.
- Phân tích công việc, chức trách của từng bộ phận trong hệ thống nhằm lọc bỏ, tinh gọn những tiến trình trùng lặp dư thừa.

Sơ đồ:



Hình 11: Biểu đồ phân rã chức năng(BFD)

2.3.7. Biểu đồ luồng dữ liệu mức dưới đỉnh chức năng báo cáo

Hình 12 : Biểu đồ luồng dữ liệu mức dưới đỉnh chức năng xuất nguyên vật liệu

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG TRÌNH THỰC NGHIỆM

3.1 Giới thiệu tổng quan về chương trình

Đối với các doanh nghiệp sản xuất quản lý vật tư hàng hóa là khâu rất quan trọng. Nó đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra liên tục và ngày càng phát triển. Các hoạt động chính trong công ty như sau:

Sau khi Thủ kho kiểm tra đơn đặt hàng rồi chuyển đến Giám đốc ký duyệt và yêu cầu nhân viên thu mua liên hệ với nhà cung cấp. Nhà cung cấp sẽ xuất hàng theo đơn đặt hàng và nhân viên thu mua vật tư sẽ kiểm tra xem có đúng số lượng, chất lượng như yêu cầu đặt hàng hay không và vật tư sẽ được vận chuyển và phân loại vào kho. Sau đó Thủ kho sẽ lập phiếu nhập kho cho kế toán. Thủ kho sẽ nhập số lượng hàng nhập vào thẻ kho. Mỗi mặt hàng sẽ có một thẻ kho riêng, nếu hàng đã có trong kho thì thủ kho sẽ ghi thêm vào thẻ kho có sẵn, nếu mặt hàng mới thì thủ kho cần lập thẻ kho mới rồi chuyển chứng từ cho bộ phận kế toán.

Vật tư được xuất căn cứ theo số định mức của từng hạng mục, theo tình hình chung về yêu cầu của các hợp đồng ký kết thì quản lý xưởng sẽ thống kê được những vật tư nào được sử dụng nhiều. Quản lý xưởng sẽ lập phiếu xin cấp vật tư chuyển cho thủ kho.

Thủ kho kiểm tra vật tư trong kho nếu có vật tư đáp ứng yêu cầu thì lập phiếu xuất kho chuyển cho Giám đốc ký duyệt. Sau khi ký duyệt sẽ chuyển cho kế toán và thủ kho và xem xét thấy phiếu đề nghị là hợp lý và vẫn thuộc định mức quy định cho từng hạng mục thì thủ kho tiến hành việc xuất kho.

Cuối kỳ kế toán tổng hợp phiếu nhập, phiếu xuất và số lượng hàng tồn kho lập báo cáo gửi lên giám đốc.

Qua việc khảo sát thực tế tại Công ty TNHH Quỳnh Sơn từ đó tiến hành phân tích thiết kế hệ thống kế toán vật tư tại công ty và thu được các biểu đồ ở các mức như biểu đồ phân cấp chức năng, biểu đồ luồng dữ liệu ở chương 2; kết hợp với việc sử dụng công cụ hỗ trợ Excel, em đã xây dựng chương trình kế toán vật tư hỗ trợ kế toán trong phần hành kế toán vật tư từ đó lên được các báo cáo tài chính.

3.2 .Chương trình kế toán nguyên vật liệu

3.2.1 Giao diện chương trình chính



Hình 13: Giao diện chương trình chính

3.2.2 Sổ nhật ký chung

Đơn vị:	CÔNG TY TNHH QUỲNH SƠN									
Mã số thuế :	2300309266									
Địa chỉ:	Thôn Tân Sơn - Xã Quỳnh Sơn - Huyện Yên Dũng - Tỉnh Bắc Giang									
NHẬT KÍ CHUNG										
Tháng 12 năm 2017										
NGÀY GHI SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN				
	Ký hiệu CT	Ngày		Nợ	Có					
07/11/2017	PC02	07/11/2017	Thanh toán tiền Than Cám	133	111	53,000,000				
08/11/2017	PX03	08/11/2017	Xuất bán Gạch chân cầu	152	331	2,250,000				
09/11/2017	PX02	09/11/2017	Xuất bán Gạch đặc A2	154	152	16,250,000				
10/11/2017	PN03	10/11/2017	Nhập Gạch 2 lỗ A1	152	3331	18,900,000				
11/11/2017	AA1P	11/11/2017	Thuế GTGT đầu vào Theo PN04	133	331	17,400,000				
12/11/2017	PN04	12/11/2017	Nhập Gạch đặc cũ	152	331	30,600,000				
13/11/2017	PX06	13/11/2017	Phụ kiện đi kèm PN05	154	152	30,000,000				
14/11/2017	PC04	14/11/2017	Chi phí vận chuyển	331	111	35,700,000				
15/11/2017	PX03	15/11/2017	Xuất bán Gạch 6 lỗ A2	154	152	22,500,000				
16/11/2017	PX04	16/11/2017	Xuất bán Than tôle ong	154	511	12,100,000				
17/11/2017	PX05	17/11/2017	Xuất bán Đất ruộng	154	511	21,280,000				

Hình 14: Giao diện sổ nhật ký chung

Bảng nhật ký chung sẽ ghi lại tất cả các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: Ngày tháng, Mã hàng hóa, Ngày vào sổ, Tên nghiệp vụ, Định khoản Nợ/ Có, Đơn giá, Số lượng... Đây là bảng quan trọng để kế toán làm cơ sở cho các bút toán sau này.

3.2.3 Danh mục nguyên vật liệu

Đơn vị:	CÔNG TY TNHH QUỲNH SƠN	
Mã số thuế :	2300309266	
Địa chỉ:	Thôn Tân Sơn - Xã Quỳnh Sơn - Huyện Yên Dũng - Tỉnh Bắc Giang	

DANH MỤC NGUYÊN VẬT LIỆU

STT	Mã vật liệu	Tên vật liệu	Loại vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)	Tài khoản
1	GLA1	Gạch 2 lỗ A1	NVL	Viên	3,612,000	630	2,275,560,000	152
2	GDA1	Gạch đặc A1	NVL	Viên	5,642,000	750	4,231,500,000	152
3	6LA1	Gạch 6 lỗ A1	NVL	Viên	1,620,000	1,700	2,754,000,000	152
4	6LA2	Gạch 6 lỗ A2	NVL	Viên	579,300	1,500	868,950,000	152
5	GCC	Gạch chân cầu	NVL	Viên	50,000	450	22,500,000	152
6	GLA2	Gạch lỗ A2	NVL	Viên	235,000	550	129,250,000	152
7	GDA2	Gạch đặc A2	NVL	Viên	191,000	600	114,600,000	152
8	GDC	Gạch đặc cũ	NVL	Viên	6,000	680	4,080,000	152
9	GLC	Gạch lỗ cũ	NVL	Viên	9,000	580	5,220,000	152
10	TC	Than Cám	NVL	m3	9,500	52,000	494,000,000	152
11	DS	Đá sét	NVL	m3	15,000	45,000	675,000,000	152
12	DR	Đá ruộng	NVL	m3	10,000	38,000	380,000,000	152
13	TTO	Than tò ong	NVL	Viên	35,000	2,200	77,000,000	152

Hình 15: Danh mục nguyên vật liệu

3.2.4 Danh mục khách hàng

Đơn vị:	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
Mã số thuế :	5300 244 990
Địa chỉ:	Thôn Tân Tiến-Xã Gia Phú- Huyện Bảo Thắng- Tỉnh Lào Cai

DANH MỤC KHÁCH HÀNG

ST	Mã khách hàng	Loại khách hàng	Tên khách hàng	Địa chỉ
1	NV_NGA	NV	Nguyễn Thị Nga	Nhân viên phân xưởng
2	NV_HIEU	NV	Lê Hoàng Hiếu	Nhân viên phân xưởng
3	CT_LAHIEN	NCC	Mỏ đá La Hiển	Thành phố Lào Cai
4	NV_NGAN	NV	Nguyễn Thị Ngân	Nhân viên phân xưởng
5	CT_CHIEMHOA	NCC	Hoàng Văn Thủ	Bắc Hà - Lào Cai
6	CT_PHULAM	KH	Âu Quang Thắng	Huyện SaPa - Lào Cai
7	NV_THAO	NV	Phạm Thu Thảo	Nhân viên phân xưởng
8	NV_LIEU	NV	Phan Thị Liệu	Nhân viên phân xưởng
9	NV_NAM	NV	Nguyễn Thị Năm	Nhân viên phân xưởng
10	NV_HAI	NV	Ngô Mạnh Hải	Nhân viên phân xưởng
11	KH_HONGHIEP	KH	Nguyễn Hồng Hép	Lào Cai
12	VPUUYHAI	KH	Văn phòng Duy Hải	Gia Lâm - Hà Nội
13	CT_VIENVLXD	NCC	Viện vật liệu xây dựng	Lào Cai
14	KH_VANKHUYNH	KH	Nguyễn Văn Khuyễn	Xã Hải Hà - Huyện Chiêm Hóa - Tuyên Quang
15	NV_HAI	NV	Nguyễn Ngọc Hải	Nhân viên phân xưởng
16	NV_THU	NV	Nguyễn Thị Thu	Nhân viên phân xưởng
17	CT_MAIPHUONG	NCC	Công ty Mai Phương	Cầu Giấy - Hà Nội
18	CT_BAOM	NCC	Công ty cp đầu tư - xây dựng & th	Số 285 Vũ Hữu, P. Thanh Xuân Bắc, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
19	CT_BNP	NCC	Công ty TNHH đầu tư Bách Nam	73 Ngách 149/75 Hồ Tùng Mậu, H. Từ Liêm, Hà Nội
20	CT_NAMH	NCC	Công ty cổ phần thương mại và kinh	Cụm 3, X. Liên Trung, H. Đan Phượng, Hà Nội
21	CT_KTRUC	NCC	Công ty cổ phần kiến trúc Hà Nội	Nhà A1 Ngõ 194, Giải Phóng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
22	NV_LAN	NV	Nguyễn Thị Lan	Nhân viên phân xưởng

Hình 16: Danh mục khách hàng

3.2.5: Phiếu nhập

Đơn vị:	CÔNG TY TNHH QUỲNH SƠN				
Mã số thuế:	2300309266				
Địa chỉ:	Thôn Tân Sơn - Xã Quỳnh Sơn - Huyện Yên Dũng - Tỉnh Bắc Giang				
PHIẾU NHẬP					
06/11/2017					
Nhận của :	Công ty cổ phần kiến trúc Hà Nội				
Địa chỉ:	Nhà A1 Ngõ 194, Giải Phóng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội				
Theo HDKT (Hóa đơn, phiếu xuất) :					
Nhập tại kho :	CÔNG TY TNHH QUỲNH SƠN				
Số tiền bằng chữ:	#NAME?				
THỦ KHO (Kí và ghi rõ họ tên)	KÉ TOÁN TRƯỞNG (Kí và ghi rõ họ tên)	GIÁM ĐỐC (Kí và ghi rõ họ tên)			

Hình 17: Phiếu nhập

Chức năng này cho chúng ta biết được những nghiệp vụ phát sinh liên quan đến nhập nguyên vật liệu. Trên đây có các thông tin về nguyên vật liệu đã nhập, thông tin về khách hàng, nhà cung cấp, số lượng, đơn giá của từng loại nguyên vật liệu nhập vào.

3.2.6 Phiếu xuất

Đơn vị:	CÔNG TY TNHH QUỲNH SƠN					
Mã số thuế:	2300309266					
Địa chỉ:	Thôn Tân Sơn - Xã Quỳnh Sơn - Huyện Yên Dũng - Tỉnh Bắc Giang					
PHIẾU XUẤT						
09/11/2017						
Xuất cho :	Lê Hoàng Hiếu	Số:	PX02			
Địa chỉ:	Nhân viên phân xưởng	nợ:	154			
Theo HDKT (Hóa đơn, phiếu xuất):	PX02	có:	152			
Xuất tại kho	CÔNG TY TNHH QUỲNH SƠN	số tiền:	16,250,000			
Mã vật liệu	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
GDA2	Gạch đặc A2	Viên	25,000	650	16,250,000	
	Tổng				16,250,000	
Số tiền thành chữ :	#NAME?					
THỦ KHO (Kí và ghi rõ họ tên)	KẾ TOÁN TRƯỞNG (Kí và ghi rõ họ tên)			GIÁM ĐỐC (Kí và ghi rõ họ tên)		

Hình 18: Phiếu xuất

Chức năng này cho chúng ta biết được những nghiệp vụ phát sinh liên quan đến xuất. Các nghiệp vụ này được lấy từ bảng phát sinh nghiệp vụ.

KẾT LUẬN

Công ty TNHH Quỳnh Sơn là một doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng tại thị trường Bắc Giang về lĩnh vực đất sét, than cám, cát bê tông, xi măng PCB, đá 1x2, phụ gia bê tông của các nhà sản xuất uy tín trong và ngoài nước. Do đó, kế toán nguyên vật liệu giữ vai trò hết sức quan trọng trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty. Để xây dựng hoàn chỉnh được hệ thống cần phải có nhiều thời gian và công sức. Trong thời gian 8 tuần thực tập tại công ty, em đã tìm hiểu bài toán, phân tích, thiết kế bài toán cùng với chương trình minh họa một số chức năng của hệ thống kế toán vật tư và qua đây em đã học hỏi được nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng một chương trình ứng dụng.

➤ Kết quả đạt được

Cùng với sự hướng dẫn tận tình của giáo viên quản lý và các anh chị trong Công ty TNHH Quỳnh Sơn, em đã hoàn thành đúng hạn và đạt được những kết quả sau:

Tìm hiểu về quy trình kế toán vật tư tại Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Công, các công việc chính mà các kế toán viên cần đạt được.

Tìm hiểu về công cụ Microsoft Excel và ứng dụng vào công tác kế toán tại doanh nghiệp.

Xây dựng chương trình kế toán vật liệu với các chức năng chính như: Cập nhật thông tin khách hàng, Danh mục vật liệu, Lập phiếu nhập, Lập phiếu xuất, Lập các báo cáo cuối kỳ...

- **Hạn chế:** Chương trình chưa đạt được yêu cầu của một phần mềm đóng gói với đầy đủ các chức năng
- **Hướng phát triển:** Em sẽ cố gắng hoàn thiện chương trình và hướng tới đưa chương trình vào sử dụng thực tế tại doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Ngọc Dung, (2003), *Ứng dụng Excel tự động hóa công tác kế toán*, NXB Tài chính
- [2] Đặng Thị Loan (2006), Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp, NXB ĐH Kinh tế quốc dân
- [3] Võ Văn Nhị (2007), *Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính
- [4] Trần Phước (2010), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Thông kê